

**TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Số: 03/CBTT

V/v: Công bố thông tin BCTN

Đồng Nai, ngày 18 tháng 04 năm 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Lilama 45.4
2. Mã chứng khoán: L44
3. Địa chỉ trụ sở chính: Xa lộ Hà Nội – Bình Đa – Biên Hòa - Đồng Nai
4. Điện thoại: 0251.3838.188 Fax: 0251.3838008
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Phan Thị Thanh Thủy**

(Giấy ủy quyền số 41/CT-KTTC ký ngày 11/08/2017)

6. Nội dung thông tin công bố:

6.1- Báo cáo thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Lilama 45.4

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn nội dung Báo cáo thường niên năm 2019...:
www.lilama454.com.vn

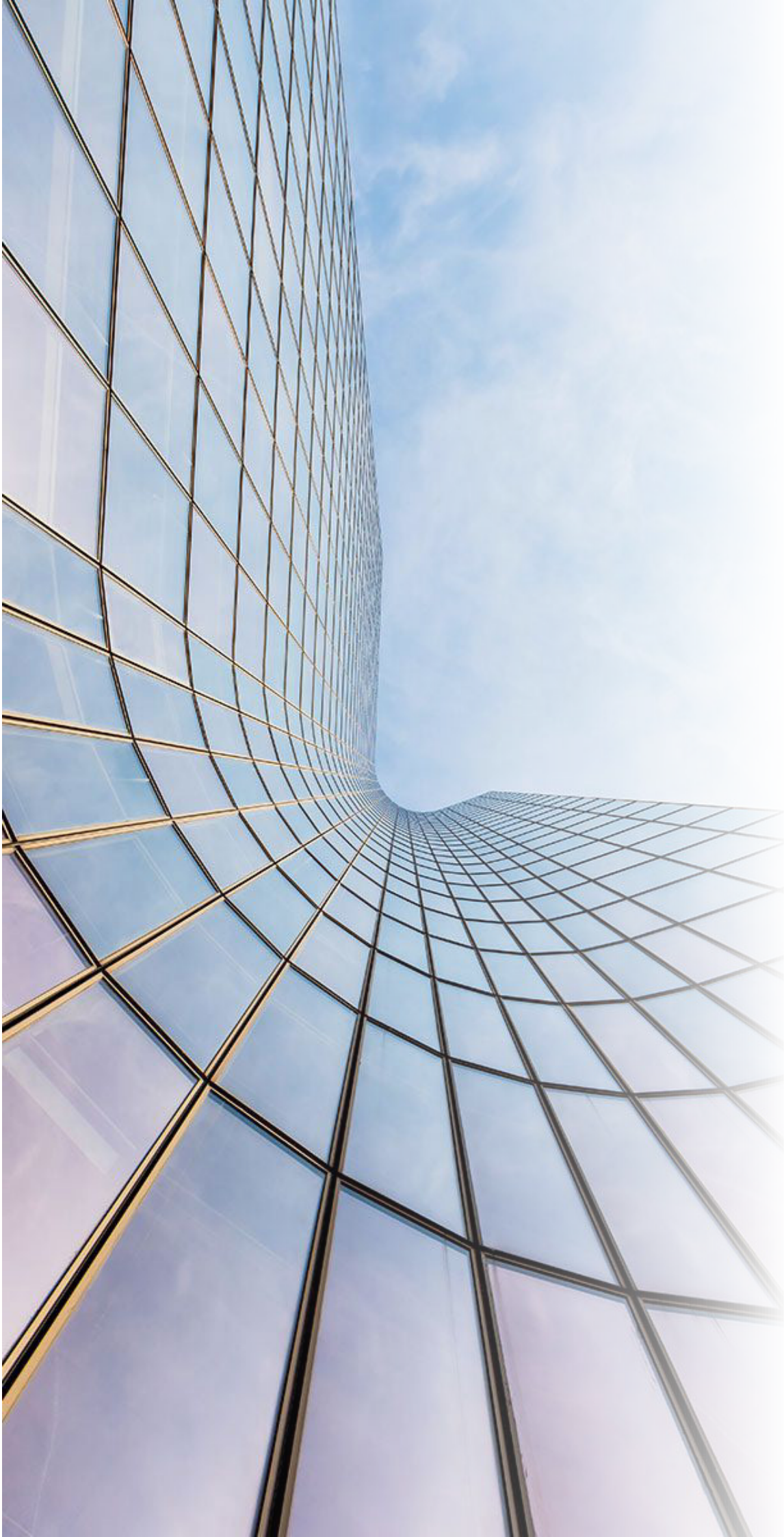
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu



Phan Thị Thanh Thủy



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **2019**



CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4



MỤC LỤC

| | |
|-------------------------------|----|
| THÔNG TIN CHUNG | 1 |
| TỔ CHỨC NHÂN SỰ | 11 |
| TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM | 21 |
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 27 |
| BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 31 |
| BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG | 35 |
| QUẢN TRỊ CÔNG TY | 37 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN | 41 |

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN CHUNG



- Thông tin chung
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Rủi ro

| | |
|----------------------------|--|
| Tên công ty: | CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4 |
| Tên giao dịch: | LILAMA 45.4 JOINT STOCK COMPANY |
| Tên viết tắt: | LILAMA 45.4 JSC |
| Giấy CNĐKDN số: | 3600255703 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu vào ngày 14/08/2006, thay đổi lần thứ 5 ngày 13/09/2017. |
| Vốn điều lệ: | 40.000.000.000 VNĐ |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu: | 40.000.000.000 VNĐ |
| Địa chỉ: | Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam |
| Số điện thoại: | <u>(0251) 3 838 188</u> |
| Số fax: | (0251) 3 838 008 |
| Website: | www.lilama454.com.vn |
| Email: | Lilama454vnn@vnn.vn |
| Mã cổ phiếu: | L44 |



Quá trình hình thành và phát triển



1979

Công ty được thành lập năm 1979, là doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam – LILAMA (Doanh nghiệp Nhà nước) chuyên nhận thầu xây lắp, gia công chế tạo thiết bị, kết cấu thép các công trình công nghiệp và dân dụng trong và ngoài nước.



2006

Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động thành Công ty cổ phần theo quyết định số 794/QĐ-BXD ngày 17/5/2006 với vốn điều lệ 11,2 tỷ đồng.



2007

Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ lên 40.000.000.000 đồng, đánh giá cột mốc quan trọng trong quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp, tái cơ cấu cổ đông.



2008

Công ty đạt chứng nhận cúp vàng ISO 9001, thể hiện sự lớn mạnh và phát triển của công ty cùng uy tín ngày càng gia tăng.



2009

Cổ phiếu Công ty chính thức được giao dịch trên sàn HOSE với mã chứng khoán là L44. Đó là một bước tiến cũng như bước ngoặt mạnh mẽ trong việc phát triển thương hiệu Lilama 45.4.



2011

Tháng 8 năm 2011, Công ty ký kết hợp đồng với Công ty PTSC- Công ty cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải để triển khai dự án Biển Đông trị giá 3 triệu USD.

Công ty ký kết thành công Dự án điện gió Bạc Liêu trị giá 40 tỷ đồng với Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Du lịch Công Lý.



2012

Công ty đã có nhiều đóng góp giúp Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam đạt giải thưởng vàng duy nhất của Asian Power Award với lĩnh vực là “Dự án Nhà máy điện được xây dựng nhanh nhất” cho dự án nhà máy điện Nhơn Trạch 2, công suất 750MW, trị giá 700 triệu USD.



Các thành tích trong quá trình hoạt động:

Trong suốt quá trình hoạt động, Công ty đã tham gia lắp đặt hàng trăm công trình thuộc nhiều dự án trên khắp mọi miền đất nước. Công ty vinh dự đạt được những thành tích đáng kể sau:

- 7 Giấy khen Huy chương vàng Chất lượng cao ngành xây dựng Việt Nam.
- Đạt danh hiệu Anh hùng Lao động (cá nhân).
- 7 Huân chương Lao động Nhất-Nhi-Ba cho cá nhân và tập thể Lilama 45.4.
- Chứng nhận ISO 9001:2008.
- Đạt cúp vàng ISO 2007.
- Huân chương Lao động hạng Nhất.
- Huân chương Độc lập hạng Ba.
- Chứng nhận ISO 9001:2000.

Những thành tích trong quá trình hoạt động cho thấy sự đóng góp của Ban lãnh đạo và toàn thể người lao động của Công ty, qua đó cũng là động lực để doanh nghiệp cố gắng hoạt động nhằm tạo ra nhiều hơn nữa giá trị kinh tế cho xã hội và các cổ đông hiện hữu trong tương lai.



2014

Công ty đã tiến hành xây dựng phương án tái cấu trúc doanh nghiệp, tinh gọn bộ máy, định hướng lại ngành nghề hoạt động, phương thức tổ chức sản xuất mới, rà soát quy trình hoạt động, cơ cấu nhân sự, tăng hiệu quả quản trị công ty, ... Đề án đặt ra lộ trình thực hiện hướng đến năm 2020.



2018

Do tình hình hoạt động vẫn còn gặp nhiều khó khăn làm số lỗ lũy kế vượt vốn điều lệ Công ty nên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã có quyết định hủy niêm yết và chuyển cổ phiếu L44 sang giao dịch tại sàn UPCOM.



2019

Là năm cuối cùng thực hiện phương án tái cấu trúc doanh nghiệp, Công ty đã đã và đang triển khai thủ tục về hoán đổi nợ với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ngành nghề kinh doanh chính

| STT | Tên ngành |
|-----|--|
| 1 | Khảo sát thiết kế, tư vấn xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng (đặc biệt là chế tạo các thiết bị thủy công, lắp đặt các nhà máy thủy điện lớn, vừa và nhỏ). |
| 2 | Tư vấn, thiết kế công nghệ các dây chuyền sản xuất, vật liệu xây dựng, giấy, chế biến lương thực và thực phẩm. |
| 3 | Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở. |
| 4 | Xuất nhập khẩu, hóa chất, vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị đơn lẻ, thiết bị đồng bộ, dây chuyền, công nghệ. |
| 5 | Chế tạo và lắp đặt các hệ thống đường ống hạ áp, trung áp và cao áp (dẫn nước, dẫn dầu, dẫn khí cho các công trình công nghiệp và dân dụng). |
| 6 | Xây lắp: Các công trình công nghiệp, các dây chuyền công nghệ máy móc, các đường dây tải điện cao thế, trung thế, hạ thế, các trạm biến áp, ... |
| 7 | Sản xuất và kinh doanh các loại vật tư kim khí, sắt thép, điện máy, hóa chất, vật liệu điện, máy móc, thiết bị, phụ tùng, dụng cụ cơ khí, phế liệu xăng, dầu, mỡ, khí đốt, khí công nghiệp, vật liệu xây dựng, đại lý mua, bán và ký gửi hàng hóa, ... |

Địa bàn kinh doanh

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, địa bàn hoạt động sẽ thay đổi tùy từng công trình và dự án do Công ty thực hiện trên khắp lãnh thổ Việt Nam.

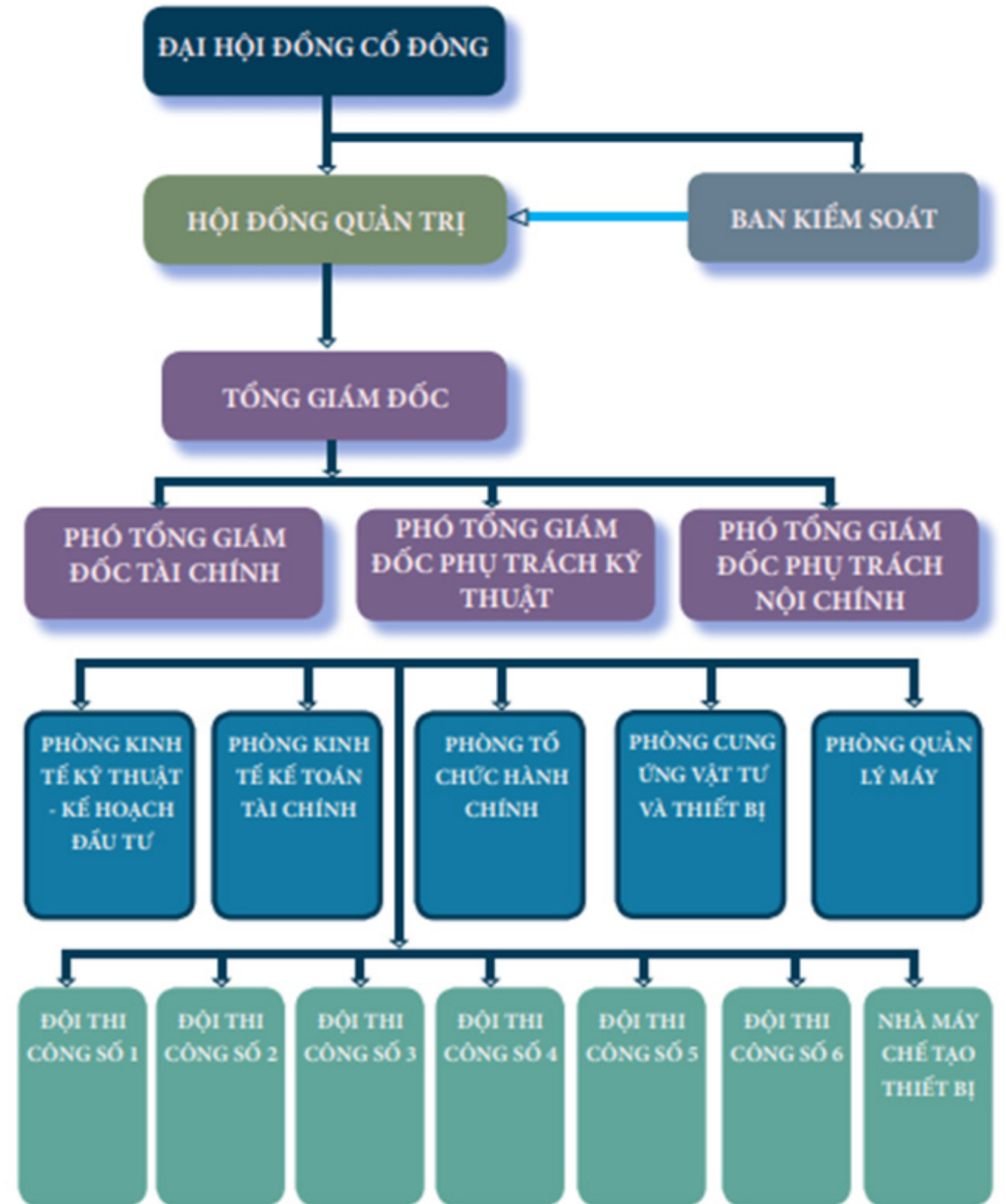
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU BỘ MÁY TỔ CHỨC

Mô hình quản trị

Là một công ty cổ phần, mô hình quản trị của L44 được tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị Công ty
- Ban Kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc

Cơ cấu bộ máy tổ chức



Công ty con, công ty liên kết

Công ty không có Công ty con, Công ty liên kết.

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Mục tiêu phát triển:

- **Đối với thị trường:** Duy trì thị trường kinh doanh truyền thống cung cấp các dịch vụ xây lắp, cung cấp sản phẩm cơ khí chế tạo, dịch vụ đại tu, sửa chữa, bảo dưỡng công trình công nghiệp với chất lượng tốt và giá cả cạnh tranh.
- **Đối với đối tác:** Tôn trọng các cam kết kinh doanh và luôn phấn đấu nâng cao giá trị kinh tế mang lại cho đối tác; đề cao tinh thần hợp tác cùng chia sẻ cơ hội phát triển bền vững; cam kết đồng hành, kết nối dài lâu trong tương lai.
- **Đối với người lao động:** Đảm bảo các chế độ tiền lương, tiền thưởng và chế độ phúc lợi xứng đáng theo năng lực của người lao động; duy trì công tác đào tạo không ngừng nâng cao tay nghề, kinh nghiệm làm việc của cán bộ công nhân viên. Xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp và hiệu quả.
- **Đối với xã hội và môi trường:** Chung tay cùng cộng đồng giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn; phối hợp thực hiện các chương trình tình nguyện, hành động vì môi trường. Thực hành tiết kiệm năng lượng, hạn chế tác động đến cộng đồng trong quá trình hoạt động kinh doanh, qua có được sự kết hợp hòa giữa lợi ích của doanh nghiệp và trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Trong trung và dài hạn, Lilama 45.4 tiếp tục duy trì phát triển hoạt động kinh doanh kiên định theo mảng xây lắp công nghiệp; đây vốn là thế mạnh và là lĩnh vực mà Công ty có nhiều kinh nghiệm hoạt động. Bên cạnh đó, với các nguồn lực liên quan Công ty sẽ có nhiều thuận lợi khi khai thác thêm mảng cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa cho các nhà máy, dây chuyền sản xuất trong các khu công nghiệp các tỉnh miền Đông Nam Bộ.

Việc cụ thể hóa các thị trường trọng tâm hoạt động sẽ ít nhiều giúp Công ty chủ động được các nguồn lực về vốn, cơ sở vật chất cũng như con người từ đó thực hiện tốt các cam kết chất lượng, nâng cao uy tín với các đối tác hiện tại trong lĩnh vực thủy điện, nhiệt điện và phong điện,... ; đây vốn là các khách hàng thường có yêu cầu cao về chất lượng công trình mà các nhà thầu phải đảm nhận thực hiện.

Định hướng phát triển này hi vọng sẽ giúp Công ty lấy lại được vị thế vững chắc trong ngành nghề truyền thống của mình cũng như tận dụng nguồn lực, khai thác tối đa tiềm năng thị trường qua đó đảm bảo được các giá trị kinh tế đối với Nhà nước, cộng đồng, người lao động và cổ đông công ty.



Rủi ro kinh tế

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê tổng sản phẩm trong nước (GDP) cả năm 2019 tăng 7,02% và đây được cho là mức tăng trưởng tốt, sự phát triển kinh tế sẽ tạo bước đà cho các doanh nghiệp phát triển. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,9%, chiếm tỷ trọng 34,49% về cơ cấu.

Thị trường kinh doanh các dịch vụ xây lắp và chế tạo thiết bị là thị trường chịu ảnh hưởng nhiều bởi các diễn biến của nền kinh tế. Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, thu nhập bình quân đầu người cũng như giá cả một số mặt hàng có ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động của nền kinh tế nói chung và Lilama 45.4 nói riêng. Khi kinh tế phát triển thì nhu cầu xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp cũng như các công trình xây dựng khác sẽ gia tăng, điều này tạo ra nhiều cơ hội giúp cho L44 thuận lợi hơn trong quá trình hoạt động của mình và ngược lại.

Để một doanh nghiệp phát triển bền vững đòi hỏi nền kinh tế phải tăng trưởng ổn định. Năm 2020 sẽ là một năm đầy thách thức với Việt Nam do những diễn biến bất thường từ dịch Covid-19 đã và đang gây ra sức ép lớn cho sự vận hành của nền kinh tế, làm dòng tiền đầu tư liên quan đến hoạt động xây lắp tạo động lực phát triển ngành bấy lâu nay ít nhiều sẽ có sự sụt giảm. Do đó, Ban lãnh đạo Công ty luôn dành sự quan tâm theo dõi tình hình kinh tế vĩ mô để có những biện pháp kịp thời nhằm hạn chế rủi ro và tận dụng cơ hội kinh doanh trong quá trình hoạt động.



Rủi ro môi trường

Hiện nay môi trường đang có nhiều sự thay đổi như hiện tượng trái đất nóng dần lên, hiệu ứng nhà kính, tình trạng ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm không khí ngày càng nghiêm trọng,... đã và đang gây ra sức ép lên sự phát triển của nền kinh tế chung. Thêm vào đó, sự phát triển kinh tế hiện nay luôn đi cùng với các mục tiêu bảo vệ môi trường, do đó hoạt động kinh doanh của Công ty cũng phải có những thay đổi để phù hợp hơn trước xu hướng chung đó nhằm tránh được các rủi ro do thay đổi môi trường mang lại. Nhận thấy được tầm quan trọng, Ban lãnh đạo Công ty đã đưa ra những biện pháp thiết thực như đổi mới trang thiết bị, nâng cấp hệ thống xử lý chất thải, tái sử dụng và tiết kiệm nguồn năng lượng hiện có của Công ty.

Rủi ro pháp luật

Hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần, L44 chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật nền tảng như Luật doanh nghiệp, Luật kế toán, Luật kiểm toán, Bộ Luật lao động, Luật Thuế,... Những văn bản này đều có sự thay đổi khá lớn trong những năm qua nhằm tạo một hành lang pháp lý phù hợp với sự hội nhập ngày một mạnh mẽ hơn. Mặc dù vậy, một số quy định và các văn bản hướng dẫn đi kèm vẫn chưa đồng bộ do đó doanh nghiệp vẫn còn nhiều vướng mắc trong khâu thực hiện. Những điều này tạo ra cho Công ty những khó khăn nhất định trong quá trình hoạt động. Công ty luôn quan tâm đến các quy định pháp luật mà hoạt động của mình chịu sự ảnh hưởng, từ đó có sự nghiên cứu, tìm hiểu kỹ lưỡng trước khi triển khai áp dụng đối với các bộ phận nghiệp vụ có liên quan.

Rủi ro đặc thù ngành

Do đặc thù của ngành nghề, thời gian thi công các công trình kéo dài, việc nghiệm thu bàn giao được thực hiện theo từng giai đoạn, nên thời gian quyết toán thu hồi vốn thường diễn ra chậm ảnh hưởng đến các chỉ số khả năng thanh toán của Công ty. Tình hình tài chính tiếp tục gặp nhiều khó khăn, mất cân đối tài chính lớn. Ảnh hưởng đến khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Giá cả nguyên vật liệu không ổn định cũng là một khó khăn của ngành xây dựng. Bên cạnh nguồn nguyên vật liệu trong nước, công ty còn sử dụng một số nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu và thực hiện các dịch vụ xây lắp chế tạo cho các đối tác nước ngoài... vì thế biến động tỷ giá cũng ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí đầu vào hay dòng tiền của công ty làm thay đổi giá vốn hàng bán và lợi nhuận.

Ngoài ra, các rủi ro về công tác quản lý dự án và rủi ro về lao động nhân công là một đặc thù mà một công ty xây dựng như Lilama 45.4 cần phải chú trọng. Công ty phải tăng cường kiểm tra các công tác thực hiện dự án như tiến độ, chi phí, chất lượng, an toàn đều phải nắm bắt và theo sát. Trước tình trạng thiếu lao động trong ngành về cả chất lượng và số lượng như hiện nay thì công ty phải có những chính sách, chế độ để tăng cường mối quan hệ hợp tác, lâu dài đối với người lao động vốn là nguồn lực chính của công ty.

Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng về thời tiết xấu (mưa, ngập lụt, bão, ...), thiên tai, dịch bệnh, nếu xảy ra sẽ tạo nên nhiều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty, gây khó khăn lên tiến độ hoàn thành các công trình hiện có và làm giảm tốc độ phát triển của ngành do tình hình kinh tế chung chắc chắn sẽ bị suy yếu. Do đây là loại rủi ro khó thể tránh khỏi nên Công ty sẽ linh động theo dõi và điều chỉnh kế hoạch thi công hợp lý nhằm giảm thiểu các tác động qua đó đảm bảo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được thực hiện đúng như kế hoạch.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Ban Điều hành
- Những thay đổi Nhân sự
- Tình hình nhân sự và Chính sách đối với người lao động



Căn cứ theo Điều lệ Công ty Hội đồng quản trị công ty có cơ cấu gồm 05 thành viên và Ban kiểm soát có cơ cấu gồm 03 thành viên. Tuy nhiên, hiện nay số lượng Thành viên Hội đồng quản trị công ty đã bị giảm đi 02 thành viên quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định; Số lượng Thành viên Ban kiểm soát còn lại 02 thành viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật. Dù còn nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh, tuy nhiên Hội đồng quản trị Công ty đã triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, xây dựng tài liệu phục hợp qua đó tìm kiếm nhân sự để bầu cử bổ sung Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 – 2021, Công ty đã thực hiện các thủ tục thông báo để các cổ đông đề cử ứng viên, tuy nhiên đến hiện tại tại L44 không có nhận được bất kỳ đề cử nào cho các vị trí này; Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cũng không thể tìm được ứng viên đáp ứng tiêu chuẩn như quy định và đồng ý gán bó điều hành doanh nghiệp trong giai đoạn khó khăn hiện nay.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019, Hội đồng quản trị đã báo cáo rõ nội dung này trước Đại hội; Trong thời gian tới Công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm, lựa chọn và trình Đại hội phê duyệt ứng viên cho các vị trí còn trống.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| STT | Họ và tên | Chức vụ | SLCP sở hữu |
|-----|---------------------|----------------------------------|-----------------------|
| 1 | Ông Phan Cao Viên | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 0 CP – 0% VĐL |
| 2 | Ông Vũ Thế Phương | Thành viên HĐQT | 6.608 CP – 0,17% VĐL |
| 3 | Ông Nguyễn Văn Việt | Thành viên HĐQT | 65.600 CP – 1,64% VĐL |



Ông Phan Cao Viên – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

| | |
|----------------------|---|
| Giới tính: | Nam |
| Năm sinh: | 01/09/1970 |
| Nguyên quán: | Phú Xuyên – Hà Nội |
| Trình độ chuyên môn: | Kỹ sư cơ khí |
| Chức vụ hiện nay: | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Lilama 45.4 |
| SLCP sở hữu | Không |

Quá trình công tác:

| | |
|---------------------|-------------------------------------|
| T5/1996 – T11/2009 | Công tác tại Công ty CP Lilama 45.3 |
| T12/2009 – T03/2015 | Công tác tại Công ty CP Lilama 45.1 |
| T04/2015 – nay | Công tác tại Công ty CP Lilama 45.4 |

Ông Vũ Thế Phương – Thành viên HĐQT

| | |
|----------------------|--------------------------|
| Giới tính: | Nam |
| Năm sinh: | 10/12/1982 |
| Nguyên quán: | Nghệ An |
| Trình độ chuyên môn: | Kỹ sư cơ khí chế tạo máy |
| Chức vụ hiện nay: | Thành viên HĐQT |
| SLCP sở hữu | 6.608 CP – 0,17% VĐL |

Quá trình công tác:

| | |
|-------------|---|
| 2005 - 2009 | Kỹ thuật thi công công trình thủy điện Sông Ba Hạ – Công ty CP Lilama 45.4 |
| 2010 - 2011 | Giám đốc XN số 1 thi công CT thủy điện A Lưới – Công ty Cổ phần Lilama 45.4 |
| 2012 - nay | Đội trưởng thi công các công trình – Công ty Cổ phần Lilama 45.4 |
| 2007 - nay | Công tác tại Công ty Cổ phần Lilama 45.4 |

Ông Nguyễn Văn Việt – Thành viên HĐQT

Giới tính: Nam
Năm sinh: 10/07/1961
Nguyên quán: Minh Châu – Đông Hưng – Thái Bình
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh
Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT
SLCP sở hữu: 65.600 CP – 1,64% VĐL

Quá trình công tác:

1983 - 1992 Công tác tại Xí nghiệp Liên hợp Lắp máy 45
1983 - nay Công tác tại Công ty Cổ phần Lilama 45.4

BAN KIỂM SOÁT

| STT | Họ và tên | Chức vụ | SLCP sở hữu |
|-----|---------------------|----------------------|---------------|
| 1 | Ông Nguyễn Văn Ngọc | Trưởng Ban Kiểm soát | 0 CP – 0% VĐL |
| 2 | Ông Lê Minh Thiện | Thành viên | 0 CP – 0% VĐL |

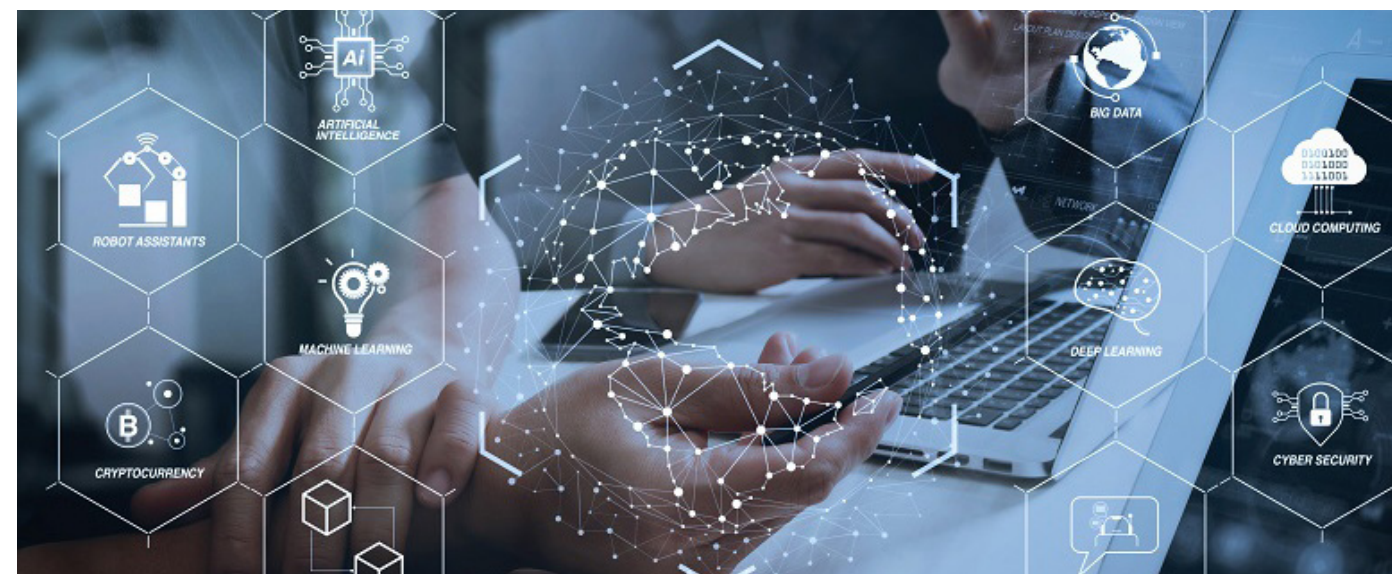
Ông Nguyễn Văn Ngọc và Ông Lê Minh Thiện được Đại hội đồng cổ đông bầu vào Ban kiểm soát Công ty CP Lilama 45.4 nhiệm kỳ 2016 – 2020 theo nghị quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2016. Đến hiện nay, hai Ông vẫn đương nhiệm các chức vụ trên.



BAN ĐIỀU HÀNH

| STT | Họ và tên | Chức vụ | SLCP sở hữu |
|-----|------------------------|-------------------|-----------------------|
| 1 | Ông Phan Cao Viên | Tổng giám đốc | 0 CP – 0% VĐL |
| 2 | Ông Hoàng Văn Hà | Phó Tổng giám đốc | 0 CP – 0% VĐL |
| 3 | Bà Phan Thị Thanh Thủy | Kế toán trưởng | 30.000 CP – 0,75% VĐL |

Sơ yếu lý lịch của **Ông Phan Cao Viên** vui lòng xem thông tin tại mục Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị.



Ông Hoàng Văn Hà – Phó Tổng Giám đốc

| | |
|----------------------|--|
| Giới tính: | Nam |
| Năm sinh: | 17/09/1972 |
| Nguyên quán: | Nghệ An |
| Trình độ chuyên môn: | Kỹ sư cơ khí chế tạo máy |
| Chức vụ hiện nay: | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc |
| SLCP sở hữu | 0 CP – 0% VĐL |

Quá trình công tác:

| | |
|-------------|--|
| 1999 - 2002 | Trưởng chỉ huy của Lilama 45.4 tại Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ I |
| 2002 - 2005 | Giám đốc Nhà máy Chế tạo Cơ khí Lilama 45.4 |
| 2005 - 2008 | Giám đốc Xí nghiệp lắp máy số 1 Công ty Lilama 45.4 t- Dự án thủy điện sông Ba Hạ |
| 2008 - nay | Phó Tổng giám đốc CTCP Lilama 45.4 kiêm Giám đốc Xí nghiệp lắp máy số 1 Công ty Lilama 45.4 tại dự án thủy điện sông Ba Hạ |

Bà Phan Thị Thanh Thủy – Kế toán trưởng

| | |
|----------------------|-------------------------------------|
| Giới tính: | Nữ |
| Năm sinh: | 08/04/1964 |
| Nguyên quán: | Hà Tĩnh |
| Trình độ chuyên môn: | Cử nhân Kinh tế |
| Chức vụ hiện nay: | Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng |
| SLCP sở hữu | 30.000 CP – 0,75% VĐL |

Quá trình công tác:

| | |
|-------------------|--|
| 1988 - 1992 | Kế toán – XN Liên hợp lắp máy 45 – Trị An – Đồng Nai |
| 1993 – T2/2002 | Kế toán – Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.4 |
| T3/2002 – T7/2016 | Phó phòng Kế toán – Công ty Cổ phần Lilama 45.4 |
| T8/2016 – Đến nay | Kế toán trưởng |

NHỮNG THAY ĐỔI NHÂN SỰ

Năm qua, Công ty có sự thay đổi trong cơ cấu Hội đồng quản trị. Theo đó, căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/08/2019, Đại hội đồng cổ đông đã miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Lilama 45.4 đối với Bà Phan Thị Thanh Thủy và Ông Hồ Phước Vĩnh Tùng. Ban kiểm soát và Ban Điều hành Công ty vẫn giữ vững cơ cấu hoạt động.

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

| STT | Tính chất phân loại | Số lượng | Tỷ trọng (%) |
|----------|--------------------------------|-----------|----------------|
| A | Theo trình độ | 29 | 100,00% |
| 1 | Trình độ đại học, trên đại học | 17 | 58,62% |
| 2 | Trình độ cao đẳng, trung cấp | 4 | 13,79% |
| 3 | Khác | 8 | 27,59% |
| B | Địa bàn công tác | 29 | 100,00% |
| 1 | Cơ quan Công ty | 16 | 55,17% |
| 2 | Thủy điện Thượng Kon Tum | 2 | 6,90% |
| 3 | Thủy điện Sông Bung 2 | 2 | 6,90% |
| 4 | Nhà máy cơ khí | 9 | 31,03% |
| C | Trình độ lao động | 29 | 100,00% |
| 1 | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | 21 | 72,41% |
| 2 | Trình độ bậc thợ | 8 | 27,59% |

Tiền lương bình quân của người lao động qua các năm (Đồng/Người/Tháng)

- Năm 2017 5.808.000 Đồng/Người/Tháng
- Năm 2018 5.617.000 Đồng/Người/Tháng
- Năm 2019 5.000.000 Đồng/Người/Tháng



Chính sách đối với người lao động

Hiện nay, Công ty duy trì các chính sách đối với người lao động bằng những hành động thực tế như sau:

- Tất cả cán bộ công nhân viên làm việc cho công ty đều được ký hợp đồng lao động nhằm đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật lao động.
- Cố gắng đảm bảo cho người lao động nhận được đầy đủ quyền lợi lao động theo quy định về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.
- Hiện nay công ty đã xây dựng chế độ đãi ngộ mới, gắn liền hiệu quả công việc với thành quả lao động, thúc đẩy người lao động phát huy khả năng tối đa.
- Vẫn duy trì đào tạo tay nghề, kiến thức cho người lao động, đáp ứng yêu cầu của thị trường.
- Tập huấn an toàn lao động toàn Công ty, đặc biệt là đơn vị thi công các công trình, dự án.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



- Tình hình hoạt động kinh doanh
- Tình hình hoạt động đầu tư
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM

| Chỉ tiêu | ĐVT | TH 2018 | TH 2019 | %TH 2019/2018 |
|--------------------|------------|----------|---------|------------------|
| Vốn điều lệ | Triệu đồng | 40.000 | 40.000 | 100% |
| Doanh thu thuần | Triệu đồng | 11.465 | -1.747 | - |
| Lợi nhuận sau thuế | Triệu đồng | -21.263 | -11.206 | - |
| LNST/DTT | % | -185,46% | 641,58% | - |
| LNST/VĐL | % | -53,16% | -28,01% | - |

Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2019 vừa qua gặp nhiều khó khăn. Nếu như năm trước, Công ty có doanh thu từ hoạt động xây lắp đối với các công trình còn lại thì năm nay do việc tạm ngưng các hoạt động kinh doanh, L44 không mang về được doanh thu. Trong khi đó, Công ty vẫn phải chịu các chi phí hoạt động như chi phí nhân công, khấu hao tài sản làm kết quả hoạt động kinh doanh năm vừa qua tiếp tục bị lỗ. Số lỗ lũy kế hiện đã vượt vốn điều lệ nên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cũng đã có quyết định hủy niêm yết và chuyển cổ phiếu L44 sang giao dịch tại sàn UPCOM.

Tuy còn gặp nhiều khó khăn, công ty vẫn nỗ lực đảm bảo thực hiện đúng và đủ các chế độ chính sách cho các bộ nhân viên yên tâm công tác; các nghĩa vụ về Thuế được tuân thủ đúng quy định. Ngoài ra, việc thanh toán cổ tức các năm trước đó của Công ty vẫn đang phải gia hạn vì tình hình tài chính hiện chưa đáp ứng khả năng chi trả.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Do tình hình tài chính nhiều hạn chế, Công ty không đầu tư, không mua sắm thêm tài sản cố định và đã tiến hành thanh lý và bán một số phương tiện, máy móc thiết bị hoạt động kém hoặc không có hiệu quả. Tính đến thời điểm báo cáo, L44 đã bán đấu giá thành công Nhà máy cơ khí chế tạo (Đường số 9A, phường An Bình, Khu công nghiệp Biên hòa 2) để cản trừ 45 tỷ đồng nợ cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC), do DATC trước đó đã có thỏa thuận mua lại khoản nợ vay của L44 tại Ngân hàng BIDV Đồng Nai.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính của Công ty

| ĐVT: Triệu Đồng | | | |
|-----------------------------------|----------------|----------------|-------------|
| Chỉ tiêu | Thực hiện 2018 | Thực hiện 2019 | % tăng giảm |
| Tổng tài sản | 174.879 | 127.248 | -27,24% |
| Doanh thu thuần | 11.465 | -1.747 | - |
| Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ | -4.656 | -47.331 | - |
| Lợi nhuận khác | -2.851 | 45.912 | - |
| Lợi nhuận trước thuế | -21.263 | -11.206 | - |
| Lợi nhuận sau thuế | -21.263 | -11.206 | - |

Các chỉ tiêu tài chính

| Các chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2018 | Năm 2019 |
|--|------|----------|-----------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 0,60 | 0,51 |
| Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 0,13 | 0,15 |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 158,47% | 189,17% |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | -271,02% | -212,15% |
| Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho | Vòng | 0,12 | 0,42 |
| Vòng quay tổng tài sản | Vòng | 0,06 | -0,01 |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 185,46% | -641,58% |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | % | -23,21% | -10,39% |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | % | 11,40% | 7,42% |
| Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần | % | 160,59% | -3270,21% |

CAPACITY

Năm qua, các hệ số khả năng thanh toán của Công ty không thay đổi nhiều so với kỳ trước; khả năng thanh toán của Công ty vẫn đang rất thấp so với các khoản nợ hiện tại. Trong năm, tài sản ngắn hạn đã sụt giảm 26,25%, tương ứng với giá trị là 43,8 tỷ đồng chủ yếu do giá trị các chi phí kinh doanh dở dang giảm đi đáng kể so với đầu kỳ. Bên cạnh đó, nợ ngắn hạn cũng đã giảm đến 36,4 tỷ đồng tương ứng giảm 13,14% so với năm trước, nguyên nhân do trong năm Công ty đã trả bớt nợ vay ngắn hạn; trong đó nổi bật là khoản 45 tỷ đồng được Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) trả cho Ngân hàng BIDV Đồng Nai giảm nợ vay của Công ty theo thỏa thuận DATC sẽ mua lại nợ của L44 tại ngân hàng này. Hàng tồn kho năm 2019 giảm hơn 43 tỷ đồng, tương ứng giảm 32,82% so với năm 2018, chủ yếu giảm đối với chi phí kinh doanh dở dang trước đó được tính vào hàng tồn kho. Điều này đã góp phần làm hệ số thanh toán nhanh tăng nhẹ từ 0,13 lần lên 0,15 lần.

Cơ cấu vốn của Công ty đang có nhiều thay đổi. Cụ thể, nợ ngắn hạn bằng nợ phải trả trong năm đã giảm 13,14%, tương ứng với giá trị là 36,4 tỷ đồng, do những thay đổi như vừa phân tích tại nội dung về khả năng thanh toán. Bên cạnh đó, tài sản của Công ty năm 2019 cũng đã giảm đi đáng kể 47,6 tỷ đồng, tương ứng giảm đến 27,24% so với năm trước; trong đó chủ yếu giảm đi tài sản ngắn hạn là các chi phí kinh doanh dở dang trước đó được tính vào hàng tồn kho. Vốn chủ sở hữu năm qua lại giảm 11,2 tỷ đồng, tương ứng giảm 10,96% so với năm 2018, do lợi nhuận hoạt động Công ty tiếp tục ghi nhận giá trị âm. Cơ cấu vốn năm 2019 có tỷ lệ nợ trên tổng tài sản gia tăng, cộng với thực trạng vốn chủ sở hữu hiện nay đã bị âm cho thấy năng lực đảm bảo nợ vay của Công ty vẫn còn thấp.

Những khó khăn tồn tại từ nhiều năm trước kéo dài hiện tại làm năng lực hoạt động và khả năng sinh lời của Công ty hiện vẫn chưa được cải thiện. Kết quả hoạt động trong kỳ tiếp tục được báo lỗ.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



- Đánh giá kết quả kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về tổ chức, chính sách quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Giải trình của Ban Điều hành đối với ý kiến của kiểm toán viên



| Chỉ tiêu | ĐVT | TH 2018 | TH 2019 | %TH 2019/2018 |
|--------------------------|---------|---------|---------|------------------|
| Vốn điều lệ | Tr.đồng | 40.000 | 40.000 | 100,00% |
| Doanh thu thuần | Tr.đồng | 11.465 | -1.747 | - |
| Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | -21.263 | -11.206 | - |
| Lợi nhuận sau thuế | Tr.đồng | -21.263 | -11.206 | - |
| Nộp ngân sách Nhà nước | Tr.đồng | 8.491 | 1.064 | 12,54% |
| Lao động bình quân | Người | 38 | 25 | 65,79% |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | Đồng/CP | -5.342 | -2.819 | - |
| Giá trị đầu tư | Tr.đồng | - | - | - |
| Tỷ lệ cổ tức | % | - | - | - |

Trong năm, Đại hội đồng cổ đông đã ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch kinh doanh 2019 phù hợp tình hình tài chính và khả năng hoạt động của Công ty. Tuy nhiên Ban Điều hành nhận thấy về mọi mặt với nguồn lực của Công ty hiện tại sẽ khó đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng và thị trường, do đó năm vừa qua Công ty đã tạm ngưng các hoạt động kinh doanh, chỉ duy trì một số nghiệp vụ cơ bản trong doanh nghiệp, tập trung mọi nguồn lực còn lại từng bước hoàn thành phương án tái cấu trúc Công ty.

Năm 2019, Công ty tiếp tục gặp khó khăn trong việc thu xếp để có được vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, cải tiến máy móc từ đó ảnh hưởng đến việc phát triển khách hàng, khai thác thị trường hoạt động xây lắp đang thay đổi từng ngày hiện nay.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 | Thay đổi |
|------------------|----------|----------|----------|
| Tài sản ngắn hạn | 167.059 | 123.212 | -26,2% |
| Tài sản dài hạn | 7.820 | 4.036 | -48,4% |
| Tổng Tài sản | 174.879 | 127.248 | -27,2% |
| Nợ ngắn hạn | 277.138 | 240.713 | -13,1% |
| Nợ dài hạn | - | - | - |
| Vốn chủ sở hữu | -102.259 | -113.465 | 11,0% |
| Tổng nguồn vốn | 174.879 | 127.248 | -27,2% |

Tổng tài sản của Công ty năm 2019 giảm 27,2% so với năm trước, tương ứng với giá trị 47,6 tỷ đồng. Trong đó, tài sản ngắn hạn giảm 26,2% so với năm 2018 với giá trị 43,8 tỷ đồng, khoản này giảm chủ yếu là các chi phí kinh doanh dở dang trước đó được tính vào hàng tồn kho. Tài sản dài hạn cũng đã giảm đáng kể 48,4%, tương ứng 3,8 tỷ đồng, chi tiết cho thấy giá trị còn lại đối với tài sản cố định đã sụt giảm so với đầu kỳ bởi trong năm Công ty đã thanh lý, nhượng bán đi các máy móc, thiết bị và xe ô tô, xe chuyên dụng để tái cơ cấu hoạt động cần trợ nợ với DATC.

Công ty không có nợ vay dài hạn nên nợ phải trả bằng với nợ ngắn hạn, trong năm chỉ tiêu này đã giảm 13,1%, tương ứng với giá trị là 36,4 tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu do Công ty đã được DATC chi trả bớt các khoản vay ngắn hạn hiện hữu nhiều năm nay. Bên cạnh đó, vốn chủ sở hữu năm qua tiếp tục ghi nhận giá trị âm do kết quả hoạt động của Công ty vẫn bị lỗ khi phải ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Như vậy, tình hình tài sản và nguồn vốn của Công ty có sự biến động đáng kể trong năm vừa qua. Cơ cấu vốn vẫn thể hiện năng lực đảm bảo nợ vay của Công ty vẫn còn thấp.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Năm qua, Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức như những năm trước. Tuy nhiên, Công ty đã bán đấu giá thành công Nhà máy cơ khí chế tạo (Đường số 9A, phường An Bình, Khu công nghiệp Biên Hòa 2) để hoàn vốn cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC), sau khi DATC mua lại các khoản nợ của L44 tại Ngân hàng BIDV Đồng Nai. Bên cạnh đó, các chính sách quản lý vẫn được duy trì với mục tiêu tiết giảm chi phí tối đa, từ đó góp phần hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

Trong thời gian tới, Công ty sẽ dốc toàn lực để từng bước hoàn thành phương án tái cấu trúc tài chính theo sự giao phó nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông và sự chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị.

Đối với công tác tài chính, Công ty sẽ tích cực xử lý công nợ phải thu nhất là các công nợ hiện chưa hoàn tất hồ sơ thủ tục thanh toán; Lập danh mục các điểm còn tồn tại, cử cán bộ tập trung khắc phục để sớm thu hồi nợ. Quản lý chặt chẽ các định mức kinh tế đối với chi phí nguyên vật liệu, nhân công và các chi phí khác nhằm tiết giảm tối đa dòng tiền ra dùng duy trì hoạt động doanh nghiệp so với hiện nay.

Về công tác thị trường, cố gắng duy trì mối quan hệ với các khách hàng hiện tại nhằm tạo tiền đề phục hồi đối với mảng hoạt động xây lắp vốn là thế mạnh và là lĩnh vực công ty có nhiều kinh nghiệm quản lý, vận hành.

GIẢI TRÌNH VỀ Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty và đưa ra vấn đề cần nhấn mạnh về khả năng hoạt động liên tục của L44. Theo đó, tài sản ngắn hạn của Công ty nhỏ hơn nợ ngắn hạn khoảng 117,5 tỷ đồng, số lỗ lũy kế của Công ty đến thời điểm 31/12/2019 khoảng 170,5 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2019 âm khoảng 113,4 tỷ đồng.

Ý kiến của kiểm toán phù hợp với tình hình tài chính thực tế của Công ty. Do đó, Ban Tổng Giám đốc không có giải thích gì thêm.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



- Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá hoạt động của Ban Điều hành
- Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Về hoạt động sản xuất kinh doanh, các dự án còn lại trong năm đã được Công ty hoàn thành thực hiện. Trong thời gian tới, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh nhiều khả năng sẽ không còn do Công ty đã tạm ngưng các kế hoạch phát triển thị trường, tìm kiếm công trình mới. Vấn đề phục hồi hoạt động sẽ là bài toán cần được Hội đồng quản trị cùng Ban Tổng Giám đốc tìm ra đáp án nhanh chóng trong thời gian tới.

Về việc quyết toán các hợp đồng Công ty đã thực hiện, đối với các hợp đồng đã thực hiện như Nhà máy Điện gió Bạc Liêu, Bò chứa dầu Cái Lái,... Công ty nhanh chóng hoàn thành quyết toán nhưng vẫn gặp phải tình trạng thu hồi vốn chậm. Một số công trình đã thực hiện xong như Nhà máy nước Thủ Đức, Nhiệt điện Vĩnh Tân 4,... còn chờ Chủ đầu tư đồng ý quyết toán làm Công ty mất nhiều thời gian, công sức phối hợp và bị chiếm dụng vốn đáng kể.

Trong năm 2019, DATC đã bán đấu giá Nhà máy cơ khí Công ty theo thỏa thuận về việc mua lại khoản nợ vay của L44 tại Ngân hàng BIDV Đồng Nai với giá trị thu về hơn 46 tỷ đồng; DATC đã cấn trừ 45 tỷ đồng tiền nợ với Công ty. Trong thời gian tới, HĐQT sẽ tiếp tục thực hiện các thủ tục đăng ký phát hành 2.200.000 cổ phiếu cho DATC để hoán đổi phần nợ còn lại của Công ty.

Bên cạnh đó, việc thanh lý nhượng bán các máy móc thiết bị, xe chuyên dụng không còn hiệu quả hoạt động với giá trị 5,5 tỷ đồng cũng đã phân nào tạo được dòng tiền về qua đó có thể đóng góp vào mục tiêu trước mắt duy trì hoạt động của doanh nghiệp.



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



Năm 2019 vừa qua, Hội đồng quản trị thấy rằng Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nghiêm túc và có trách nhiệm các chỉ đạo và quy định do HĐQT và ĐHĐCĐ ban hành. Mặc dù kết quả chưa tích cực, nhưng vẫn có được những đóng góp giá trị trong công tác quản lý và điều hành xuyên suốt trong những năm qua.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong thời gian tới Công ty tiếp tục thực hiện tái cấu trúc như đề án đã trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Hội đồng quản trị sẽ phối hợp cùng Ban Tổng Giám đốc đưa ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho Công ty, nỗ lực đạt được kết quả kinh doanh kỳ vọng, cụ thể các công tác như sau:

- ✓ Tập trung đẩy mạnh công tác thu hồi vốn đối với các hạng mục công trình đã hoàn thành nhưng chưa thu hồi đủ vốn như: Điện gió Bạc Liêu, Nhà máy nước Thủ Đức,...
- ✓ Hiện tại Công ty cố gắng duy trì hoạt động cơ bản tuân thủ các quy định pháp luật đối với doanh nghiệp có cổ phiếu đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
- ✓ Thực hiện đúng, đủ các chỉ đạo, hỗ trợ từ Tổng Công ty Lắp máy Lilama để kịp thời nắm bắt cơ hội phục hồi hoạt động.
- ✓ Ban Tổng Giám đốc phải cố gắng theo dõi bám sát các diễn biến thị trường để nhanh chóng đưa ra các kế hoạch hành động hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- ✓ Sử dụng lao động hợp lý, cải thiện điều kiện làm việc để tăng năng suất lao động, duy trì thu nhập cho toàn bộ nhân viên Công ty.
- ✓ Phối hợp thực hiện nhằm sớm hoàn thành thủ tục đăng ký phát hành cổ phiếu hoán đổi nợ với DATC.
- ✓ Tiềm kiểm ứng viên HĐQT, BKS cho các vị trí còn đang khuyết phù hợp với cơ cấu cổ đông sau khi phát hành cổ phiếu hoán đổi nợ với DATC.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN HOẠT ĐỘNG

Với hoạt động chính trong lĩnh vực xây lắp, công ty khó có thể tránh được các tác động đối với môi trường xung quanh. Các tác động có thể kể đến là khí thải khói hàn, bụi kim loại, tiếng ồn trong quá trình vận hành máy móc để thi công... Tuy nhiên, Lilama 45.4 luôn ý thức, tuân thủ pháp luật và cam kết các chính sách bảo vệ môi trường qua việc đáp ứng tốt các yêu cầu về tiếng ồn, chất thải, khí thải, tiêu thụ năng lượng trong quá trình hoạt động của mình.

Ngay từ những ngày đầu thành lập, với phương châm luôn chú trọng an toàn trong lao động các công trình xây lắp của L44 không chỉ đạt yêu cầu về tiến độ cũng như chất lượng mà còn đảm bảo yêu cầu về an toàn đối với khách hàng và người lao động. Công tác thi công, nghiệm thu công trình luôn được giám sát một cách chặt chẽ. Công ty luôn đảm bảo được chất lượng của những công trình mà mình phụ trách và nhận được sự tín nhiệm của khách hàng trong những năm qua. Các dụng cụ, mũ bảo hộ, và trang phục cho người lao động luôn đảm bảo chất lượng theo qui định nhằm giúp cho người lao động yên tâm làm việc mà không phải e ngại bất cứ rủi ro nào.

VỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Dù gặp phải nhiều khó khăn, nhưng nguồn nhân lực vẫn là một trong những yếu tố then chốt quyết định sự vận hành của một doanh nghiệp, trong giai đoạn hội nhập hiện nay vấn đề này cần được quan tâm thích đáng để có thể nâng cao khả năng cạnh tranh trong trong quá trình hoạt động. Hiểu được điều này, Ban Giám đốc Công ty luôn chú trọng đầu tư thời gian, sức lực, và các nguồn lực khác để xây dựng một đội ngũ nhân sự nhiệt tình, tận tâm, làm việc hiệu quả. Đồng thời, không quên đảm các tôn trọng và thực hiện đúng các cam kết, chính sách với người lao động.

TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Sự phát triển lâu dài của một doanh nghiệp dựa trên nền tảng của một cộng đồng bền vững, ổn định và thịnh vượng. Công ty hiểu rằng sự hiện diện của mình tạo nên những ảnh hưởng nhất định về kinh tế, môi trường xã hội đối với cộng đồng. L44 cam kết tạo nên những giá trị cuộc sống trọn vẹn hơn thông qua các chương trình hỗ trợ và phát triển cộng đồng.

QUẢN TRỊ CÔNG TY



- Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
- Hoạt động của Hội đồng quản trị
- Hoạt động của Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Xét thấy với quy mô hoạt động hiện nay, Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ được phân công phụ trách các vấn đề nhân sự, lương thưởng, tài chính, sản xuất kinh doanh,... cụ thể theo tình hình thực tế của từng thời kỳ.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của HĐQT trong năm 2019:

| STT | Thành viên Hội đồng quản trị | Chức vụ | Ghi chú | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ |
|-----|------------------------------|------------|-----------------------|---------------------|-------|
| 1 | Ông Phan Cao Viên | Chủ tịch | | 1/1 | 100% |
| 2 | Bà Phan Thị Thanh Thủy | Thành viên | Miễn nhiệm 12/08/2019 | 1/1 | 100% |
| 3 | Văn Thanh Liêm | Thành viên | Miễn nhiệm 12/08/2019 | 1/1 | 100% |
| 4 | Nguyễn Thị Hoàng Lan | Thành viên | | 1/1 | 100% |
| 5 | Trần Lê Hoa | Thành viên | | 1/1 | 100% |

Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2019:

| STT | Số NQ/QĐ | Ngày | Nội dung |
|-----|------------|------------|---|
| 1 | 01/NQ-HĐQT | 06/06/2019 | <ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua phương án dự kiến thanh lý nhượng bán một số tài sản, thiết bị thi công hoạt động kém hiệu quả hoặc không cần dùng. 2. Thông qua kế hoạch chuẩn bị Đại hội cổ đông thường niên năm 2019: Thời gian tổ chức Đại hội; Chuẩn bị nhân sự bầu bổ sung thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2016-2021; Lập kế hoạch chuẩn bị phục vụ Đại hội (Thư mời, Tài liệu, địa điểm,...). |

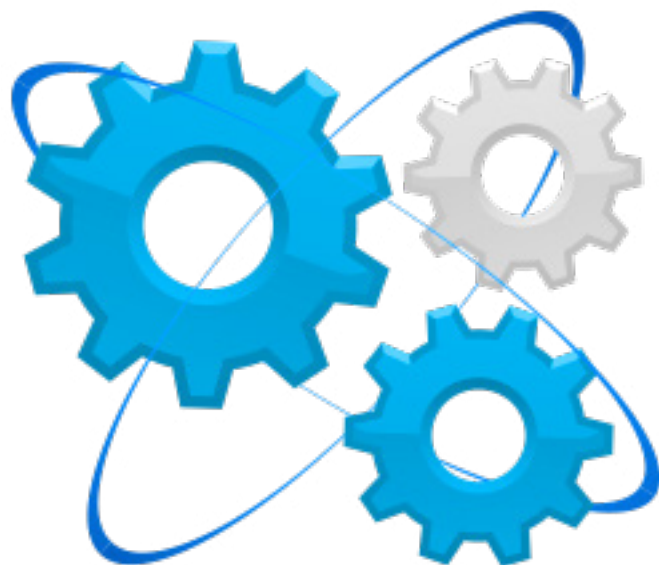
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

| STT | Thành viên BKS | Chức vụ | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ |
|-----|---------------------|------------|---------------------|-------|
| 1 | Ông Nguyễn Văn Ngọc | Trưởng Ban | 1/1 | 100% |
| 2 | Ông Lê Minh Thiện | Thành viên | 1/1 | 100% |

Trong năm 2019, Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động SXKD, quản trị điều hành của Công ty theo quy định. Ban kiểm soát Công ty đã tham gia một số phiên họp của HĐQT, đóng góp ý kiến theo đúng chức năng và quyền hạn của ban kiểm soát.

Năm qua, Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thanh mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động SXKD, quản trị và điều hành Công ty theo quy định. Ban kiểm soát Công ty đã tham gia trong một số phiên họp của HĐQT, đóng góp ý kiến theo đúng chức năng và quyền hạn của ban kiểm soát.

Trong năm 2019, Ban kiểm soát không nhận được ý kiến nào của các cổ đông về các vấn đề liên quan đến việc điều hành hoạt động SXKD của Ban lãnh đạo Công ty.



CÁC GIAO DỊCH THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Lương thưởng, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

| STT | Họ và tên | Chức danh | Thù lao | Lương | Thưởng |
|------------------------------|------------------------|----------------|---------|------------|--------|
| <i>I Hội đồng quản trị</i> | | | | | |
| 1 | Ông Phan Cao Viên | Chủ tịch | - | 89.010.000 | - |
| 2 | Bà Phan Thị Thanh Thủy | Thành viên | - | - | - |
| 3 | Ông Hồ Phước Vĩnh Tùng | Thành viên | - | - | - |
| 4 | Ông Vũ Thế Phương | Thành viên | - | - | - |
| 5 | Ông Nguyễn Văn Việt | Thành viên | - | 74.682.000 | - |
| <i>II Ban kiểm soát</i> | | | | | |
| 1 | Ông Nguyễn Văn Ngọc | Trưởng BKS | - | 84.660.000 | - |
| 2 | Ông Lê Minh Thiện | Thành viên | - | 78.612.000 | - |
| <i>III Ban Tổng Giám đốc</i> | | | | | |
| 1 | Ông Phan Cao Viên | Tổng Giám đốc | - | 89.010.000 | - |
| 2 | Ông Hoàng Văn Hà | Phó TGD | - | 89.010.000 | - |
| 3 | Bà Phan Thị Thanh Thủy | Kế toán trưởng | - | 84.660.000 | - |

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan

Không có.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có.

Tình hình thực hiện các quy định về quy chế quản trị Công ty năm 2019

Công ty Cổ phần Lilama 45.4 luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định Pháp luật về quản trị công ty.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2019



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 45.4

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 45.4, được lập ngày 24/3/2020, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lilama 45.4 tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số IV.1 phần thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2019 tài sản ngắn hạn của Công ty nhỏ hơn nợ ngắn hạn khoảng 117,5 tỷ đồng, số lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 31/12/2019 khoảng 170,5 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2019 âm khoảng 113,4 tỷ đồng.



LÊ NGỌC KHUÊ

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số 0665-2018-126-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2020

ĐỖ THỊ NGỌC

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHNKT số 3409-2020-126-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: đồng

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 123.212.243.167 | 167.058.580.186 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 2.053.871.661 | 227.550.278 |
| 1. Tiền | 111 | | 2.053.871.661 | 227.550.278 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 33.041.532.241 | 35.668.054.142 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 29.345.304.981 | 32.015.432.219 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 6.072.397.744 | 6.071.744.637 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.3 | 629.914.675 | 586.962.445 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | | (3.006.085.159) | (3.006.085.159) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.5 | 88.116.839.265 | 131.162.975.766 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 88.116.839.265 | 131.162.975.766 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | - | - |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 4.035.754.666 | 7.820.499.463 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 57.675.441 | 122.126.281 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.3 | 57.675.441 | 122.126.281 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 3.978.079.225 | 7.506.946.818 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.6 | 996.579.225 | 4.525.446.818 |
| - Nguyên giá | 222 | | 23.029.785.028 | 62.694.098.415 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (22.033.205.803) | (58.168.651.597) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.7 | 2.981.500.000 | 2.981.500.000 |
| - Nguyên giá | 228 | | 2.981.500.000 | 2.981.500.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | - | 191.426.364 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8 | - | 191.426.364 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 127.247.997.833 | 174.879.079.649 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 240.712.971.889 | 277.138.158.072 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 240.712.971.889 | 277.138.158.072 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.9 | 38.868.460.834 | 39.802.186.458 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.10 | 15.849.647.358 | 15.849.647.358 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.11 | 9.555.022.051 | 8.490.545.451 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 11.620.795.220 | 11.501.087.718 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.12 | 9.875.263.716 | 9.451.244.288 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | 541.686.230 | 966.974.134 |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.13 | 71.230.822.417 | 62.905.198.602 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.14 | 82.842.927.404 | 127.842.927.404 |
| 9. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 322 | | 328.346.659 | 328.346.659 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | (113.464.974.056) | (102.259.078.423) |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.15 | (113.464.974.056) | (102.259.078.423) |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 40.000.000.000 | 40.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 40.000.000.000 | 40.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 3.520.000.000 | 3.520.000.000 |
| 3. Cổ phiếu quỹ (*) | 415 | | (282.000.000) | (282.000.000) |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 11.833.254.447 | 11.833.254.447 |
| 5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 2.000.893.238 | 2.000.893.238 |
| 6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (170.537.121.741) | (159.331.226.108) |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | (159.331.226.108) | (138.068.502.749) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | (11.205.895.633) | (21.262.723.359) |
| II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 127.247.997.833 | 174.879.079.649 |

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Đồng Nai, ngày 24 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phan Thị Thanh Thủy

Phan Thị Thanh Thủy

Phan Cao Viên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2019

Đơn vị tính: đồng

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2019 | Năm 2018 |
|--|-------|-------------|------------------|------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | (1.746.602.312) | 11.464.894.002 |
| 2. Các khoản giảm trừ | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | (1.746.602.312) | 11.464.894.002 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 45.584.874.227 | 16.120.634.444 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | (47.331.476.539) | (4.655.740.442) |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 274.422 | 63.663.876 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 6.907.033.457 | 9.879.523.946 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 6.907.033.457 | 9.855.524.931 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.5 | 2.879.327.327 | 3.939.796.482 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (57.117.562.901) | (18.411.396.994) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.6 | 49.467.579.470 | 694.229.714 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.7 | 3.555.912.202 | 3.545.556.079 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 45.911.667.268 | (2.851.326.365) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (11.205.895.633) | (21.262.723.359) |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | | - | - |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 | | (11.205.895.633) | (21.262.723.359) |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.8 | (2.816) | (5.342) |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.8 | (2.816) | (5.342) |

Đồng Nai, ngày 24 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Phan Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Phan Thị Thanh Thủy

Tổng Giám đốc



Phan Cao Viên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2019

Đơn vị tính: đồng

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm 2019 | Năm 2018 |
|---|-----------|-------------------------|------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | 3.268.752.784 | 35.345.923.492 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | (3.103.519.933) | (26.494.824.832) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | (1.049.227.000) | (6.294.339.000) |
| 4. Tiền lãi vay đã trả | 04 | - | (1.286.328.026) |
| 5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | 237.182.760 | 646.693.303 |
| 6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | (282.831.600) | (3.056.589.836) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (929.642.989) | (1.139.464.899) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác | 22 | 47.755.689.950 | - |
| 2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 227.289 | 6.112.450 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 47.755.917.239 | 6.112.450 |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (45.000.000.000) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (45.000.000.000) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | 1.826.274.250 | (1.133.352.449) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 227.550.278 | 1.360.902.727 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | 47.133 | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 2.053.871.661 | 227.550.278 |

Đồng Nai, ngày 24 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Phan Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Phan Thị Thanh Thủy

Tổng Giám đốc



Phan Cao Viên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Lilama 45.4 là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.4. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 3600255703 ngày 14/08/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 13/09/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 26 người (tại ngày 01/01/2019 là 33 người)

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà);
- Bán buôn vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy; Bán buôn thiết bị đơn lẻ, thiết bị đồng bộ, dây truyền công nghệ, thang máy, vật liệu điện, máy móc thiết bị phụ tùng cơ khí;
- Bảo trì thang máy, sửa chữa thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực, thiết bị lò hơi trung cao áp, bồn bể chứa các loại dung dịch lỏng ;
- Lắp đặt thang máy; Lắp đặt thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực, thiết bị lò hơi trung cao áp, bồn bể chứa dung dịch lỏng; Lắp đặt hệ thống đường ống hạ áp, trung áp, cao áp;
- Chế tạo đường ống hạ áp, trung áp, cao áp;
- Xây dựng công trình công nghiệp ;
- Buôn bán sắt thép; Bán buôn phế liệu (trừ phế liệu độc hại, phế-thải nguy hại, phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật về môi trường) ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Xây dựng lắp đặt đường dây tải điện, trạm biến áp cao thế, trung thế, hạ thế;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại (trừ xi mạ, không sản xuất tại trụ sở; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng nhà các loại;
- Gia công cơ khí (trừ xi mạ, không gia công tại trụ sở; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)/.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, và các văn bản pháp lý liên quan khác theo quy định của nhà nước.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (đồng), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tại ngày 31/12/2019, tài sản ngắn hạn của Công ty nhỏ hơn nợ ngắn hạn khoảng 117,5 tỷ đồng, số lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 31/12/2019 khoảng 170,5 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2019 âm khoảng 113,4 tỷ đồng. Những yếu tố này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào Ban Giám đốc Công ty có thể thu xếp được các dòng tiền trong tương lai. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng báo cáo tài chính kèm theo của Công ty được lập trên cơ sở giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh liên tục, có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường của Công ty trong tương lai gần.

Theo biên bản thỏa thuận ngày 20/10/2017 giữa Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh (DATC) và Công ty Cổ phần Lilama 45.4 thì sau khi DATC mua lại khoản nợ của Ngân hàng Đầu tư Phát triển - Chi nhánh Đồng Nai sẽ thực hiện phương án xử lý nợ.

- Thu nợ 45 tỷ đồng thời hạn 12 tháng bằng các nguồn tài chính hợp pháp, trường hợp không huy động đủ nguồn tài chính hợp pháp thì sẽ thực hiện bán thanh lý hai bất động sản là tòa nhà văn phòng Công ty và Nhà máy cơ khí chế tạo.

- Sau khi thực hiện trả nợ DATC sẽ thực hiện chuyển 22 tỷ đồng nợ phải thu thành vốn góp với tỷ lệ 1:1. Số nợ còn lại sẽ được xóa trách nhiệm trả nợ.

Căn cứ tờ trình đại hội đồng cổ đông ngày 29/6/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Lilama 45.4 Công ty thông qua phương án tái cơ cấu tài chính Công ty với một số nội dung chính:

- Chuyển nhượng tài sản là trụ sở Công ty và nhà máy cơ khí để trả các khoản nợ, góp phần cải thiện tình hình tài chính và hoạt động của công ty.

Đến thời điểm 31/12/2019, Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP.HCM (DATC-HCM) đã bán đấu giá tài sản trên đất gắn liền với lợi thế quyền thuê 19.899 m2 đất tại nhà máy cơ khí chế tạo của Công ty Cổ phần Lilama 45.4 tại địa chỉ số 4 đường 9A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với mức giá 46.046.000.000 đồng; bán đấu giá các xe ô tô, xe chuyên dùng, máy, thiết bị với mức giá 5.520.000.000 đồng. DATC-HCM đã cản trừ khoản thu được từ bán đấu giá với nợ vay của Công ty Cổ phần Lilama 45.4 số tiền là 45 tỷ đồng.

- Tăng vốn điều lệ từ 40 tỷ đồng lên 62 tỷ đồng: Tăng 22 tỷ đồng, tương đương 2.200.000 cổ phần phổ thông; Đối tượng nhận mua cổ phần phát hành tăng thêm là Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC)

thông qua việc chuyển nợ thành vốn góp cổ phần tỷ lệ 1:1, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Trong năm 2019, Công ty đã ký hợp đồng với Công ty cổ phần chứng khoán FPT - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện tư vấn chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn từ 40 tỷ lên 62 tỷ. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, các thủ tục thực hiện tăng vốn vẫn đang trong quá trình thực hiện và chưa được hoàn tất.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày lập BCTC.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập trên cơ sở đánh giá mức độ tổn thất của Ban Tổng giám đốc Công ty cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá xuất hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và các văn bản sửa đổi, bổ sung của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao tài sản cố định được ước tính như sau:

| | |
|--------------------------|-------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 25 năm |
| Máy móc, thiết bị | 06 - 10 năm |
| Phương tiện vận tải | 06 - 10 năm |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 04 - 06 năm |

Công ty tuân thủ nguyên tắc kế toán khi thực hiện kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22/12/2014.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính;

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm là các chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ, từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo đúng qui định hiện hành.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu;

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ;

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn và các khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

16. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | | Đơn vị tính: đồng | | |
|--|-----------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | | 31/12/2019 | 01/01/2019 | |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | | | | |
| - Tiền mặt | | 33.004.000 | 39.316.000 | |
| - Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | | 2.020.867.661 | 188.234.278 | |
| Cộng | | 2.053.871.661 | 227.550.278 | |
| 2. Phải thu khách hàng | | | | |
| a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn | | 29.345.304.981 | 32.015.432.219 | |
| - Viện Nghiên cứu Cơ khí (NARIME) | | - | 2.579.546.369 | |
| - Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Du lịch Công Lý | | 3.662.881.866 | 3.662.881.866 | |
| - Ban quản lý Dự án Thủy điện Sông Bung 2 | | 7.455.309.891 | 9.376.572.434 | |
| - CN Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP. HCM (DATC) | | 3.680.000.000 | - | |
| - Các khách hàng khác | | 14.547.113.224 | 16.396.431.550 | |
| b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan | | | | |
| - Công ty CP Lilama 45.1 | | 417.549.658 | 417.549.658 | |
| - Công ty CP Lilama 45.3 | | 581.380.679 | 581.380.679 | |
| - Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP | | 925.431.768 | 925.431.768 | |
| 3. Phải thu khác | | | | |
| | | 31/12/2019 | 01/01/2019 | |
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| a) Ngắn hạn | 629.914.675 | 204.300.777 | 586.962.445 | 204.300.777 |
| - Phải thu khác | 236.507.777 | 204.300.777 | 236.507.777 | 204.300.777 |
| - Tạm ứng | 393.406.898 | - | 350.454.668 | - |
| b) Dài hạn | 57.675.441 | - | 122.126.281 | - |
| - Ký quỹ, ký cược | 57.675.441 | - | 122.126.281 | - |
| Cộng | 687.590.116 | 204.300.777 | 709.088.726 | 204.300.777 |
| 4. Nợ xấu | | | | |
| | | 31/12/2019 | 01/01/2019 | |
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| a) Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán | | | | |
| - Phải thu khách hàng | 2.209.874.082 | - | 2.209.874.082 | - |
| - Trả trước cho người bán | 591.910.300 | - | 591.910.300 | - |
| - Phải thu khác | 204.300.777 | - | 204.300.777 | - |
| Cộng | 3.006.085.159 | - | 3.006.085.159 | - |
| 5. Hàng tồn kho | | | | |
| | | 31/12/2019 | 01/01/2019 | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 88.116.839.265 | - | 131.162.975.766 | - |
| Cộng | 88.116.839.265 | - | 131.162.975.766 | - |

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| Khoản mục | 31/12/2019 | | | | |
|-------------------------------|-----------------------|------------------|---------------------|---------------|----------------|
| | Nhà cửa vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị DCQL | Cộng |
| Nguyên giá TSCĐ | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 18.736.527.301 | 21.468.762.543 | 22.202.800.243 | 286.008.328 | 62.694.098.415 |
| Số tăng trong kỳ | - | - | - | - | - |
| Số giảm trong kỳ | 14.397.715.176 | 11.499.611.777 | 13.766.986.434 | - | 39.664.313.387 |
| - Thanh lý, nhượng bán | 14.397.715.176 | 11.499.611.777 | 13.766.986.434 | - | 39.664.313.387 |
| Số dư cuối kỳ | 4.338.812.125 | 9.969.150.766 | 8.435.813.809 | 286.008.328 | 23.029.785.028 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 15.772.998.122 | 20.949.610.284 | 21.175.001.032 | 271.042.159 | 58.168.651.597 |
| Số tăng trong kỳ | 574.174.560 | 229.290.337 | 592.812.967 | 14.966.169 | 1.411.244.033 |
| - Khấu hao trong kỳ | 574.174.560 | 229.290.337 | 592.812.967 | 14.966.169 | 1.411.244.033 |
| Số giảm trong kỳ | 12.733.382.905 | 11.382.868.456 | 13.430.438.466 | - | 37.546.689.827 |
| - Thanh lý, nhượng bán | 12.733.382.905 | 11.382.868.456 | 13.430.438.466 | - | 37.546.689.827 |
| Số dư cuối kỳ | 3.613.789.777 | 9.796.032.165 | 8.337.375.533 | 286.008.328 | 22.033.205.803 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Tại ngày đầu kỳ | 2.963.529.179 | 519.152.259 | 1.027.799.211 | 14.966.169 | 4.525.446.818 |
| Tại ngày cuối kỳ | 725.022.348 | 173.118.601 | 98.438.276 | - | 996.579.225 |

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại 31/12/2019 để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 809.573.075 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 31/12/2019 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 16.634.020.540 đồng.

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| Khoản mục | 31/12/2019 | |
|-------------------------------|-------------------|---------------|
| | Quyền sử dụng đất | Cộng |
| Nguyên giá | | |
| Số dư đầu kỳ | 2.981.500.000 | 2.981.500.000 |
| Số dư cuối kỳ | 2.981.500.000 | 2.981.500.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | |
| Số dư đầu kỳ | - | - |
| Khấu hao trong kỳ | - | - |
| Số dư cuối kỳ | - | - |
| Giá trị còn lại | | |
| Tại ngày đầu kỳ | 2.981.500.000 | 2.981.500.000 |
| Tại ngày cuối kỳ | 2.981.500.000 | 2.981.500.000 |

- Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Xa lộ Hà Nội, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.
- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình tại 31/12/2019 đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.981.500.000 đồng

8. Chi phí trả trước

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|-------------------|------------|-------------|
| b) Dài hạn | | |
| - Công cụ dụng cụ | - | 191.426.364 |

9. Phải trả người bán

| | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| a) Phải trả người bán ngắn hạn | 38.868.460.834 | 38.868.460.834 | 39.802.186.458 | 39.802.186.458 |
| - Cty TNHH TM DV Hương Thái | 3.236.302.599 | 3.236.302.599 | 3.236.302.599 | 3.236.302.599 |
| - Công ty CP TM&SX Thái Dương Anh | 2.804.774.762 | 2.804.774.762 | 2.804.774.762 | 2.804.774.762 |
| - Cty TNHH MTV Cơ Khí Chánh Hưng | 2.454.827.152 | 2.454.827.152 | 2.454.827.152 | 2.454.827.152 |
| - Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP | 3.510.895.217 | 3.510.895.217 | 3.316.882.738 | 3.316.882.738 |
| - Các đối tượng khác | 26.861.661.104 | 26.861.661.104 | 27.989.399.207 | 27.989.399.207 |
| b) Phải trả người bán là các bên liên quan | | | | |
| - Công ty CP Lilama - Thí nghiệm Cơ điện | 73.336.300 | 73.336.300 | 73.336.300 | 73.336.300 |
| - Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP | 3.510.895.217 | 3.510.895.217 | 3.316.882.738 | 3.316.882.738 |

10. Người mua trả tiền trước

| | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 15.849.647.358 | 15.849.647.358 | 15.849.647.358 | 15.849.647.358 |
| - Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP | 10.850.121.849 | 10.850.121.849 | 10.850.121.849 | 10.850.121.849 |
| - Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh | 4.365.398.316 | 4.365.398.316 | 4.365.398.316 | 4.365.398.316 |
| - Các khách hàng khác | 634.127.193 | 634.127.193 | 634.127.193 | 634.127.193 |
| b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan | | | | |
| - Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP | 10.850.121.849 | 10.850.121.849 | 10.850.121.849 | 10.850.121.849 |
| - Công ty CP Lilama 69.2 | 300.000.000 | 300.000.000 | 300.000.000 | 300.000.000 |

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 01/01/2019 | Số phải nộp trong kỳ | Số đã thực nộp trong kỳ | 31/12/2019 |
|--|----------------------|----------------------|-------------------------|----------------------|
| | a) Phải nộp | | | |
| Thuế giá trị gia tăng đầu ra | 2.965.073.914 | (408.429.376) | - | 2.556.644.538 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | 94.501.776 | - | - | 94.501.776 |
| Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác | 5.430.969.761 | 1.472.905.976 | - | 6.903.875.737 |
| Cộng | 8.490.545.451 | 1.064.476.600 | - | 9.555.022.051 |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|--|----------------------|----------------------|
| 12. Chi phí phải trả | | |
| a) Ngắn hạn | | |
| - Chi phí Công trình Thủy điện Vĩnh Hà | 8.635.611.438 | 8.635.611.438 |
| - Chi phí Công trình Thủy điện Thác Mơ | 504.104.850 | 504.104.850 |
| - Chi phí Công trình Thủy điện Sông Bung 2 | 600.000.000 | - |
| - Chi phí sửa chữa văn phòng Công ty | 39.047.428 | - |
| - Chi phí các công trình khác | 96.500.000 | 311.528.000 |
| Cộng | 9.875.263.716 | 9.451.244.288 |

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| 13. Phải trả khác | | |
| a) Ngắn hạn | | |
| Kinh phí công đoàn | 325.160.971 | 350.817.971 |
| Bảo hiểm xã hội | 14.699.497.225 | 13.287.596.633 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 256.212.705 | 210.187.614 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 55.949.951.516 | 49.056.596.384 |
| + Cổ tức phải trả | 6.766.000.000 | 6.766.000.000 |
| + Nợ các đối công trình | 13.196.165.291 | 13.418.727.616 |
| + Quỹ tình thương | 257.835.180 | 257.835.180 |
| + Lãi vay | 31.815.577.288 | 24.908.543.831 |
| + Tiền trợ cấp thôi việc phải trả | 3.350.887.000 | 3.245.303.000 |
| + Phải trả khác | 563.486.757 | 460.186.757 |
| Cộng | 71.230.822.417 | 62.905.198.602 |

| 14. Vay và nợ thuê tài chính | 31/12/2019 | | Tăng | Giảm | 01/01/2019 | |
|--|-----------------------|-----------------------|------|----------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | | | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 82.842.927.404 | 82.842.927.404 | - | - | 127.842.927.404 | 127.842.927.404 |
| - Vay ngắn hạn | | | | | | |
| Chi nhánh Công ty TNHH Mua | | | | | | |
| + bán nợ Việt Nam tại TP.HCM (DATC) ⁽¹⁾ | 81.892.927.404 | 81.892.927.404 | - | 45.000.000.000 | 126.892.927.404 | 126.892.927.404 |
| + Vay cá nhân | 950.000.000 | 950.000.000 | - | - | 950.000.000 | 950.000.000 |

⁽¹⁾ Toàn bộ khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai được chuyển qua Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP.HCM theo Hợp đồng mua bán nợ số 87/2017/HĐMBN ngày 28/12/2017 giữa Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai và Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP.HCM; Biên bản xác nhận và chuyển giao quyền chủ nợ giữa Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai, Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP.HCM và Công ty Cổ phần Lilama 45.4 ngày 28/12/2017. Đến thời điểm 31/12/2019, Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP.HCM đã bán đấu giá nhà máy cơ khí Lilama 45.4 và DATC - HCM với mức giá 46.046.000.000 đồng; bán đấu giá các xe ô tô, xe chuyên dùng, máy, thiết bị với mức giá 5.520.000.000 đồng. DATC-HCM đã cản trừ khoản thu được từ bán đấu giá với nợ vay của Công ty Cổ phần Lilama 45.4 số tiền là 45 tỷ đồng.

| 15. Vốn chủ sở hữu | a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu | | | | | |
|---|---|------------------------|----------------------|-------------------|-------------------------|-------------------------|
| | Khoản mục | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu Ngân Quỹ | Vốn khác của chủ sở hữu | LNST chưa PP và các quỹ |
| Số dư đầu năm trước | 40.000.000.000 | 3.520.000.000 | (282.000.000) | 2.000.893.238 | (126.235.248.302) | (80.996.355.064) |
| Tăng vốn năm trước | - | - | - | - | - | - |
| Giảm vốn năm trước | - | - | - | - | 21.262.723.359 | 21.262.723.359 |
| - <i>Lỗ trong năm trước</i> | - | - | - | - | 21.262.723.359 | 21.262.723.359 |
| Số dư cuối năm trước | 40.000.000.000 | 3.520.000.000 | (282.000.000) | 2.000.893.238 | (147.497.971.661) | (102.259.078.423) |
| Tăng vốn trong kỳ | - | - | - | - | - | - |
| Giảm vốn trong kỳ | - | - | - | - | 11.205.895.633 | 11.205.895.633 |
| - <i>Lỗ trong kỳ</i> | - | - | - | - | 11.205.895.633 | 11.205.895.633 |
| Số dư cuối kỳ | 40.000.000.000 | 3.520.000.000 | (282.000.000) | 2.000.893.238 | (158.703.867.294) | (113.464.974.056) |
| b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu | | | | | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
| - Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - CTCP | | | | | 14.023.460.000 | 18.423.460.000 |
| - Vốn góp của cổ đông khác | | | | | 25.976.540.000 | 21.576.540.000 |
| Cộng | | | | | 40.000.000.000 | 40.000.000.000 |
| c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức | | | | | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
| + Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | | | | | |
| - Vốn góp đầu kỳ | | | | | 40.000.000.000 | 40.000.000.000 |
| - Vốn góp tăng trong kỳ | | | | | - | - |
| - Vốn góp giảm trong kỳ | | | | | - | - |
| - Vốn góp cuối kỳ | | | | | 40.000.000.000 | 40.000.000.000 |
| + Cổ tức, lợi nhuận đã chia | | | | | - | - |
| d) Cổ phiếu | | | | | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | | | | | 4.000.000 | 4.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | | | | | 4.000.000 | 4.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | | | | | 4.000.000 | 4.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | | | | | 20.000 | 20.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | | | | | 20.000 | 20.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | | | | | 3.980.000 | 3.980.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | | | | | 3.980.000 | 3.980.000 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu | | | | | | |
| 16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán | | | | | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
| a) Ngoại tệ các loại | | | | | | |
| - USD | | | | | 78,51 | 90,94 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

| 1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | Năm 2019 | Năm 2018 |
|---|------------------------|-----------------------|
| Doanh thu | | |
| Doanh thu hoạt động xây lắp | (1.746.602.312) | 10.972.739.456 |
| Doanh thu thanh lý vật tư | - | 492.154.546 |
| Cộng | (1.746.602.312) | 11.464.894.002 |
| Trong đó doanh thu của hợp đồng xây lắp được ghi nhận trong kỳ với các bên liên quan | | |
| Công ty CP Lilama 45.3 | - | 528.527.890 |
| Cộng | - | 528.527.890 |

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| 2. Giá vốn hàng bán | | |
| Giá vốn hoạt động xây lắp | 45.584.874.227 | 14.950.302.433 |
| Giá vốn thanh lý vật tư | - | 1.170.332.011 |
| Cộng | 45.584.874.227 | 16.120.634.444 |
| 3. Doanh thu hoạt động tài chính | | |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 227.289 | 6.112.450 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 47.133 | 57.551.426 |
| Cộng | 274.422 | 63.663.876 |
| 4. Chi phí tài chính | | |
| Lãi tiền vay | 6.907.033.457 | 9.855.524.931 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | - | 23.999.015 |
| Cộng | 6.907.033.457 | 9.879.523.946 |
| 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp | | |
| Chi phí nhân viên quản lý | 1.827.258.566 | 2.034.538.116 |
| Chi phí quản lý khác | 1.052.068.761 | 1.905.258.366 |
| Cộng | 2.879.327.327 | 3.939.796.482 |
| 6. Thu nhập khác | | |
| Thu từ nhượng bán tài sản cố định | 49.329.912.758 | - |
| Các khoản khác | 137.666.712 | 694.229.714 |
| Cộng | 49.467.579.470 | 694.229.714 |
| 7. Chi phí khác | | |
| Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội | 1.053.355.219 | 1.131.456.980 |
| Phạt chậm nộp thuế | 1.472.905.976 | 2.366.917.563 |
| Các khoản khác | 1.029.651.007 | 47.181.536 |
| Cộng | 3.555.912.202 | 3.545.556.079 |
| 8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | | |
| a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (11.205.895.633) | (21.262.723.359) |
| b) Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) LN kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | (11.205.895.633) | (21.262.723.359) |
| c) Lợi nhuận/(lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (=a+b) | - | - |
| d) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (thực tế/tạm tính) trong kỳ (*) | - | - |
| e) Số lượng Cổ phiếu phổ thông tại thời điểm cuối kỳ | 3.980.000 | 3.980.000 |
| f) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 3.980.000 | 3.980.000 |
| g) số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm | - | - |
| h/ Lãi cơ bản trên cổ phiếu $\{=(c-d)/f\}$ | (2.816) | (5.342) |
| i/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu $\{=(c-d)/(f+g)\}$ | (2.816) | (5.342) |

(*) Theo Nghị quyết họp đại hội đồng cổ đông số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/08/2019 Công ty không phân phối lợi nhuận năm 2018 do hoạt động kinh doanh đang bị lỗ. Do đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu không phải tính đến ảnh hưởng của việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi. Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi cơ bản trên cổ phiếu.

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|---|----------------------|-----------------------|
| 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố | | |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 241.901.321 | 3.980.817.408 |
| Chi phí nhân công | 1.827.258.566 | 5.268.625.921 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.411.244.033 | 1.734.874.949 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác | 1.394.548.133 | 4.507.624.668 |
| Chi phí khác bằng tiền | 543.113.000 | 4.507.624.668 |
| Cộng | 5.418.065.053 | 19.999.567.614 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh trong kỳ

- Ngày 04/10/2018 Cục thuế tỉnh Đồng Nai đã ra Quyết định số 1631/QĐ-CT về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng đối với Công ty Cổ phần Lilama 45.4. Đến thời điểm hiện tại thì việc cưỡng chế này vẫn đang được thi hành. Công ty được Cục Thuế cho phép sử dụng hóa đơn theo từng lần phát sinh.

- Trong năm 2019, Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP.HCM (DATC-HCM) đã bán đấu giá tài sản trên đất gắn liền với lợi thế quyền thuê 19.899 m2 đất tại nhà máy cơ khí chế tạo của Công ty Cổ phần Lilama 45.4 tại địa chỉ số 4 đường 9A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với mức giá 46.046.000.000 đồng; bán đấu giá các xe ô tô, xe chuyên dùng, máy, thiết bị với mức giá 5.520.000.000 đồng. DATC-HCM đã cản trở khoản thu được từ bán đấu giá với nợ vay của Công ty Cổ phần Lilama 45.4 số tiền là 45 tỷ đồng.

- Trong năm 2019, Công ty đã ký hợp đồng với Công ty cổ phần chứng khoán FPT - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện tư vấn chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn từ 40 tỷ lên 62 tỷ. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, các thủ tục thực hiện tăng vốn vẫn đang trong quá trình thực hiện và chưa được hoàn tất.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

3. Thông tin về các bên liên quan

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

| TT | Các bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Phải thu/(Phải trả) đồng |
|----|---|--------------------------------------|--|--|
| 1 | Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam | Công ty mẹ | Phải thu khách hàng Người mua trả trước Phải trả người bán | 925.431.768 10.850.121.849 3.510.895.217 |
| 2 | Công ty Cổ phần Lilama 45.1 | Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty | Phải thu khách hàng | 417.549.658 |
| 3 | Công ty Cổ phần Lilama 45.3 | Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty | Phải thu khách hàng | 581.380.679 |
| 4 | Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm cơ điện | Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty | Phải trả người bán | 73.336.300 |
| 5 | Công ty Cổ phần Lilama 69.2 | Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty | Người mua trả tiền trước | 300.000.000 |

Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký trong kỳ

| TT | Bộ phận | Năm 2019 | Năm 2018 |
|----|--|--------------------|--------------------|
| 1 | Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị | 239.558.000 | 239.558.000 |
| 2 | Tiền lương thù lao ban kiểm soát, thư kí | 110.430.000 | 110.430.000 |
| | Tổng cộng | 349.988.000 | 349.988.000 |

4. Báo cáo bộ phận

Hiện tại, hoạt động của Công ty là kinh doanh trong các khu vực địa lý không có khác biệt lớn về điều kiện sản xuất kinh và loại hình kinh doanh xây lắp là chủ yếu. Do đó, không có Báo cáo bộ phận được trình bày.

5. Thông tin so sánh

Số dư đầu kỳ được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4

Người lập biểu

Phan Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Phan Thị Thanh Thủy

Đồng Nai, ngày 24 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc

Phan Cao Viên

Đồng Nai, ngày 17 tháng 4 năm 2020

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Tổng Giám đốc

Phan Cao Viên